TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/HS-ST
Ngày: 03/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Tâm**

2. Bà **Nguyễn Hồng Xứng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Vương Quốc Diệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Phi L, sinh năm: 1986 tại Kiên Giang; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên điện lực; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Giới tính: Nam; Con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1960; Anh, chị, em: 06 người; lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1989; Vợ Bùi Thị Thanh Nh, sinh năm 1998; Con có 2 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2022 cho đến nay.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Phi L:* Luật sư **Nguyễn Thị Hồng Ng** - Văn phòng luật sư Tr thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người bị hại:* Công ty điện lực T - Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Ngọc K**, chức vụ: Phó Giám đốc điện lực T

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn L1**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Đường V, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm 1954 (cha của bị cáo).

3. Bà **Bùi Thị Thanh Nh**, sinh năm 1987 (vợ của bị cáo).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh **Danh Đ**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện E, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh **Đoàn Thanh Đ1**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Trần Chí H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp L1, xã L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, Hoàng Phi L do nợ tiền, không có khả năng chi trả. Lúc này, L đang làm nhân viên điện lực huyện G, tỉnh Kiên Giang nên có kinh nghiệm trong nghề điện và biết rõ về các trạm biến áp 03 pha ở địa bàn huyện T, tỉnh Kiên Giang đã lắp đặt nhưng chưa đóng điện đưa vào hoạt động nên đã nảy sinh ý định trộm các máy biến áp này bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Với ý định đó, L khảo sát tìm được 11 trạm bơm trên địa bàn. Tiếp đó, L gọi điện cho ông Trần Văn L1 là chủ hộ kinh doanh lĩnh vực xây lắp điện ở xã Th, huyện G hỏi có thu mua các máy biến áp đã qua sử dụng không, với mục đích bán các máy này. Khi ông L1 hỏi nguồn gốc các máy biến áp từ đâu có, thì L nói là của người dân mua sử dụng vào lò sấy lúa, chà gạo, bơm nước phục vụ nông nghiệp, nhưng không còn sử dụng nữa nên bán, L mua lại rồi bán để kiếm tiền hoa hồng. Vì biết L là nhân viên điện lực huyện G nên ông L1 tin tưởng, không nghi ngờ và đồng ý mua. Tiếp đó, L gọi điện thuê anh Trần Minh V và yêu cầu anh V tìm thuê thêm 01 người khác có hiểu biết về điện với tiền công là 1.000.000 đồng/ngày/người để giúp tháo gỡ các máy biến áp tại các trạm bơm này. Sau cùng, L gọi điện thuê chẹt của anh Đoàn Thanh Đ1 đến chở các máy biến áp ra lộ lớn, thuê xe tải của anh Lê Văn O (chủ cửa hàng vật liệu xây dựng A) và xe tải của anh Nguyễn Quang H1 chở các máy biến áp này từ chẹt của Đ1 đến bán

cho anh L1 lấy tiền tiêu xài. Khi thuê anh V, anh Đ1, anh O và anh H1, L đều không nói cho họ biết được việc đã trộm cắp các máy biến áp. Mặc khác, những người này cũng không biết, không nghi ngờ việc L trộm các máy biết áp vì việc tháo gỡ, vận chuyển đều diễn ra vào ban ngày, hoàn toàn công khai.

Với phương thức, thủ đoạn trên, từ tháng 01/2022 đến ngày 19/02/2022, L đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt được 33 máy biến áp (06 máy loại 37,5 kVA và 27 máy loại 25 kVA) cùng các thiết bị đi kèm bán cho ông L1 được 362.000.000 đồng và nhận thêm số tiền hoa hồng từ ông L1 là 18.000.000 đồng, số tiền này, L đã trả tiền thuê cho V, tiền thuê phương tiện, số tiền còn lại L đã trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 01 năm 2022 (không nhớ ngày), sau khi L khảo sát 03 trạm biến áp như Trạm K1, K2 thuộc ấp Tr, xã Tr1 và Trạm tại K thuộc ấp A2, xã A3. L gọi điện cho ông L1 mô tả đặc điểm của các máy biến áp rồi hỏi ông L1 mua với giá bao nhiêu, để thống nhất giá mua bán. Sau đó, L cùng V và Trần Chí H đến tháo 09 máy biến áp (03 máy biến áp loại 25 KVA và 06 máy biến áp loại 37,5 KVA) và các thiết bị máy đi kèm. Sau khi tháo xong, L thuê chẹt của Đ1 chở tài sản này đến cửa hàng vật liệu xây dựng A rồi thuê xe tải của anh O chở về bán cho ông L1 được 100.000.000 đồng, cùng tiền hoa hồng. L trả tiền thuê cho V, H số tiền 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người), trả tiền thuê chẹt của Đ1 1.500.000 đồng, trả tiền thuê xe tải cho anh O 1.000.000 đồng, số tiền còn lại L trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, trong lúc tháo gỡ, anh V có hỏi vì sao tháo các máy biến áp này, thì L nói do người ta lắp đặt sai, không đúng thông số kỹ thuật nên tháo mang về kho, sau này lắp đặt lại máy khác. Mặc khác, ông L1 khi nhìn thấy các máy biến áp đã mua của L đều mất tem, nhãn nên gọi điện hỏi thì L nói do chủ nhà họ tháo lấy lại. Cả anh V và ông L1 đều không nghi ngờ gì khi nghe L trả lời.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng tháng 01 năm 2022 (không nhớ ngày), cũng như lần thứ nhất, sau khi L khảo sát các 03 trạm biến áp như Trạm Y3, Y4 và Y5 thuộc ấp P, xã O, L gọi điện cho ông L1 mô tả đặc điểm của các máy biến áp rồi hỏi ông L1 mua với giá bao nhiêu, sau khi thống nhất giá cả, L cùng V và H tháo 09 máy biến áp loại 25 kVA và các thiết bị đi kèm tại các trạm này. Sau khi tháo máy xong, L thuê chẹt của Đ1 chở đến lộ xáng O, đưa lên xe tải đã thuê của anh H1 chở về bán cho ông L1 được 100.000.000 đồng cùng tiền hoa hồng. L trả tiền thuê cho V, H 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người), trả tiền thuê chẹt của Đ1 1.500.000 đồng, trả tiền thuê xe tải cho H1 1.500.000 đồng, số tiền còn

lại L trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ ba:* Vào ngày 19/02/2022, cũng với thủ đoạn tương tự, L cùng V và Danh Đ tháo 15 máy biến áp loại 25 kVA và các thiết bị đi kèm tại 05 trạm biến áp như Trạm Y1, Y2 thuộc ấp P, xã O và Trạm cống U thuộc ấp HO, xã O và Trạm cống xã 3A, cống xã 5A thuộc ấp L2, xã thuê chẹt của Đ1 chở đến lộ lớn, đưa lên xe tải đã thuê của anh O chở về bán cho ông L1 được 162.000.000 đồng cùng tiền hoa hồng. L trả tiền thuê cho V, Đ số tiền 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người), trả tiền thuê chẹt của Đ1 2.000.000 đồng (chở 2 chuyến), trả tiền thuê xe tải cho anh O 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại L trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Các máy biến áp mua của L vào lần thứ 1 và lần thứ 2 gồm 18 máy và các thiết bị đi kèm, ông L1 mang về cất trong kho tại cửa hàng xây lắp điện của gia đình. Riêng các máy biến áp đã mua của L vào lần thứ 3, ông L1 đã nhờ Trịnh Quốc H2 là người kinh doanh bên lĩnh vực thi công xây lắp điện, môi giới bán 13 máy biến áp cùng các thiết bị đi kèm cho 01 người tên T (do H2 quen qua mang Facebook, không rõ nhân thân) với giá 14.000.000 đồng/máy x 13 máy = 182.000.000 đồng, L1 cho H2 tiền hoa hồng là 3.000.000 đồng, 02 máy biến áp còn lại do bị hư hỏng nhẹ L1 mang về sửa chữa cất giữ tại kho cùng với các máy biến áp đã mua của lần thứ 1 và lần thứ 2. Sau khi Cơ quan điều tra triệu tập làm việc và thông báo về vụ trộm, ông L1 giao nộp tất cả các máy đã mua cho Cơ quan điều tra để xử lý theo đúng quy định, trong đó có các máy đã bán cho người tên T đều được ông L1 liên hệ chuộc lại giao nộp.

** Căn cứ bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 11 ngày 27/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Kiên Giang như sau:*

Lần 1, các vật tư, thiết bị bị mất cắp gồm có 35 vật tư, thiết bị, giá trị là 261.456.954đ. *Lần 2,* các vật tư, thiết bị bị mất cắp gồm có 29 vật tư, thiết bị, giá trị là 226.028.200 đồng. *Lần 3,* các vật tư, thiết bị bị mất cắp gồm có 29 vật tư, thiết bị, giá trị là 385.246.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 872.731.155 đồng.

Trong quá trình điều tra, Hoàng Phi L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

** Việc thu giữ, xử lý vật chứng:*

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, J7 Prime.

(Tang vật trên đã nhập kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Kiên Giang).

- 01 máy biến áp nhãn hiệu THTBIDI loại 25 kVAsố máy191250582;

- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVAsố máy191250573;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVAsố máy191250693;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu TH1BIDI loại 25 kVAsố máy191250694;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu TH1BIDI loại 25 kVAsố máy191250622;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVAsố máy191250575;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVAsố máy191250554;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250545;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250581;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250578;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250702;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250666;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 37.5 kVA số máy 131370343;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 37.5 kVA số máy 131370324;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 37.5 kVA số máy 131370260;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 37.5 kVA số máy 131370342;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 37.5 kVA số máy 131370257;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250580;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250652;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số máy 191250584;
- 25 bulong 40cm; 08 giá treo thép máy 25 kVA; 02 giá treo thép máy 37.5 kVA; 14 cây đà thép 2,4 mét; 08 thùng cầu dao 990x500x340; 08 CP 125; 14 LA chống sét; 106kg (một trăm lẽ sáu ký) dây cáp đồng có vỏ; 10 đồng hồ (công tơ điện), điện kế 3P-ĐT-GT-5; 32 biến dòng (CT) 600V 150V/5A 5VA ccx 0.5; 04 đoạn ống nhựa tròn đường kính 90cm dài 3 mét.
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250601;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250594;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250697;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250617;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250593;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250571;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250563;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250579;

- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250591;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu TIHBIDI loại 25 kVA số 191250568;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250564;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 25 kVA số 191250680;
- 01 máy biến áp nhãn hiệu THIBIDI loại 37.5 kVA số 131370372.

(Tang vật trên đã trao trả cho bị hại).

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSTKG-P2 ngày 07/12/2022 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Hoàng Phi L tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa tranh luận và luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Phi L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Phi L mức án 10 năm đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Hoàng Phi L bồi thường Công ty điện lực T - Kiên Giang số tiền 166.623.266 đồng (bồi thường những vật tư đã bị mất trộm chưa thu hồi được trị giá 85.750.100 đồng, bồi thường tiền thuê nhân công lắp đặt lại 11 trạm biến áp số tiền 80.873166 đồng), gia đình bị cáo đã khắc phục cho công ty được số tiền 85.750.100 đồng, bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 80.873166 đồng cho Công ty điện lực T - Kiên Giang. Anh Trần Văn L đã nhận đủ số tiền bồi thường không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Về vật chứng: Tài sản trộm cắp thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Phi L: Thống nhất về tội danh của bị cáo theo truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ ngoài các tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề nghị áp dụng cho bị cáo thêm điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn vẫn cố gắng bồi thường cho Công ty điện lực T - Kiên Giang được số tiền 85.750.100 đồng và ông Trần Văn L số tiền 380.000.000 đồng.

Ý kiến bị hại: Đại diện Công ty điện lực T - Kiên Giang yêu cầu bị cáo Hoàng Phi L bồi thường số tiền 166.623.266 đồng (bồi thường những vật tư đã

bị mất trộm chưa thu hồi được trị giá 85.750.100 đồng, bồi thường tiền thuê nhân công lắp đặt lại 11 trạm biến áp số tiền 80.873166 đồng), gia đình bị cáo đã khắc phục cho công ty được số tiền 85.750.100 đồng, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho công ty số tiền còn lại 80.873166 đồng, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về đoàn tụ với gia đình.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L: Nay gia đình bị cáo đã bồi thường xong, ông không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tranh luận gì với Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Từ tháng 01/2022 đến ngày 19/02/2022, Bị cáo Hoàng Phi L do nợ tiền, không có khả năng chi trả. Lúc này, L đang làm nhân viên điện lực huyện G, tỉnh Kiên Giang nên có kinh nghiệm trong nghề điện và biết rõ về các trạm biến áp 03 pha ở địa bàn huyện T, tỉnh Kiên Giang đã lắp đặt nhưng chưa đóng điện đưa vào sử dụng nên đã nảy sinh ý định trộm các máy biến áp này bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp 33 máy biến áp các của Công ty điện lực T - Kiên Giang, sau khi đã lấy trộm đem đi bán cho ông Trần Văn L, tổng giá trị 33 máy biến áp mà bị cáo L lấy trộm Hội đồng định giá tài sản huyện T đã kết luận là 872.713.155 đồng.

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố và luận tội bị cáo Hoàng Phi L về tội "Trộm cắp tài

sản” theo qui định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức mà còn xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng. Bị cáo có công việc ổn định nhưng không muốn lao động mà chỉ muốn hưởng thụ bằng cách chiếm đoạt tài sản, công sức của người khác. Hành vi của bị cáo rất liều lĩnh, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây ra hậu quả nghiêm trọng trong việc vận hành sử dụng mạng lưới điện phục vụ nhân dân, làm hoang mang đối với bị hại và người dân xung quanh khu vực. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên cần phải xử mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về quan điểm của Viện Kiểm sát: Quan điểm đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về ý kiến của luật sư là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm bồi thường: Buộc bị cáo Hoàng Phi L có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho Công ty điện lực T - Kiên Giang số tiền 80.873.166 đồng. Đới với ông Trần Văn L bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

[8] Đối với những vấn đề khác của vụ án: Anh Trần Minh V, anh Đoàn Thanh Đ1, anh Lê Văn O và anh Nguyễn Quang H1 đã được cơ quan điều tra làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L nên không có căn cứ xử lý là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trong vụ án. Đối

với ông Trần Văn L là người mua và bán các máy biến áp nhưng không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tài sản trộm cắp thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch của số tiền còn phải bồi thường **(**80.873.166 đồng x 5%) là 4.043.658 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Phi L phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Phi L** 10 (mười) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04 tháng 3 năm 2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Phi L có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Công ty điện lực T - Kiên Giang số tiền 80.873.166 đồng *(Tám mươi triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Phi L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*. Bị cáo Hoàng Phi L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch bằng 4.043.658 đồng (*Bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)*.

5. Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tài sản trộm cắp thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 01 ngày 07/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

6. Báo cho bị cáo Hoàng Phi L, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/4/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (3);
- Bị hại (1);
- Luật sư (3);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc Hồng

** Về trách nhiệm dân **sự**:*

Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Trương Ngọc K yêu cầu bồi thường 166.623.266 đồng (bồi thường những vật tư đã bị mất trộm chưa thu hồi được trị giá 85.750.100 đồng, bồi thường tiền thuê nhân công lắp đặt lại số tiền 80.873.166 đồng); ông Trần Văn L yêu cầu bồi thường 380.000.000 đồng. Tổng cộng 546.623.266 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên. *Trong quá trình giải quyết vụ án người bị hại yêu cầu bồi thường trên 300.000.000đ ngay còn hơn 80.000.000đ vật tư, đã bồi thường trên 85 triệu nên áp dụng thêm điểm b,s Điều 51 chuyển khung hình phạt nhẹ hơn còn 10 năm đến 11 năm tù.*

Tuy nhiên, việc bồi thường này chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm hình phạt cho bị cáo về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo L nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của luật sư đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.

668.281.699đ (781.281.699đ – 95.000.000) bằng:

20.000.000đ + (668.281.699đ - 400.000.000đ = 268.281.699đ x 4%)] = **31.451.267 đồng** *(ba mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).*

668.281.699đ (781.281.699đ – 95.000.000) bằng:

20.000.000đ + (668.281.699đ - 400.000.000đ = 268.281.699đ x 4%)] = **31.451.267 đồng** *(ba mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).*

Vì các lẽ trên;

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 01 năm 2022 (không nhớ ngày), sau khi L khảo sát 03 trạm bơm như Trạm bơm K1, K2 thuộc ấp Tr,xã Tr1 và Trạm bơm

Lần thứ hai: Vàokhoảng tháng 01 năm 2022 (không nhớ ngày), cũng như lần thứ nhất, sau khi L khảo sát các 03 trạm bơm như Trạm bơm Y3, Y4 và Y5 thuộc ấp P, xã O, L gọi điện

Lần thứ ba: Vào ngày 19/02/2022, cũng với thủ đoạn tương tự, L cùng V và Danh Đ tháo 15 máy biên áp loại 25 kVA và các thiết bị đi kèm tại 05 trạm bơm như Trạm bơm Y1, Y2 thuộc ấp P, xã O và Trạm bơm cống U thuộc ấp HO, xã O và Trạm bơm cống xã3A, Cống xã 5A thuộc ấp L2, xã thuê chẹt của Đ1 chở đế